TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2023/DS-ST Ngày 27/7/2023 V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Ngô Thị Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp chia di sản thừa kế; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 08/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 07/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-DS ngày 5/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-DS ngày 02/6/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 12/2023/TB-TA ngày 06/6/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 18/2023/TB-TA ngày 07/7/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 23/2023/TB-TA ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Văn M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Đội 2, thôn P 1, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Văn M: Ông Chu Thanh Nh, luật sư- Văn phòng Luật sư Chu Văn Ch – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Ông Tô Văn Ph , sinh năm 1967. Nơi ĐKNKTT, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Thành Đ , sinh năm 1955; Nơi ĐKNKTT, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Tô Văn Đ1, sinh năm 1964. Nơi ĐKNKTT, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Tô Thị H , sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4. Bà Tô Thị L , sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm 5, thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

5. Bà Tô Thị L1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn D, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

6. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960. Nơi ĐKNKTT, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

7. Ông Tô Văn L2(chết năm 2021), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L2:

- Chị Tô Thị Kh, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.
- Chị Tô Thị H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Tô Tiến T, sinh năm 1991, địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản

9. Bà Đồng Thị H2 sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, ông Tô Văn M là nguyên đơn trình bày: Bố mẹ ông là cụ Tô Văn K (chết năm 2003) và cụ Lục Thị B(chết năm 2017); hai cụ sinh được 08 người con là Tô Thành Đ ; Tô Văn L2(chết năm 2021, có hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H); Tô Văn Đ1, Tô Văn Ph , Tô Thị L ; Tô Thị L1; Tô Văn M; ngoài ra hai cụ không có người con nuôi hay con riêng nào khác.

Trong thời kì hôn nhân hợp pháp hai cụ là chủ sử dụng của thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01, diện tích 339 m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, ngày 30/01/2007 được UBND huyện Kim Thành cấp GCNQSD đất đối với diện tích 339 m2 đất trên mang tên chủ sử dụng Lục Thị B. Hai cụ còn diện tích đất ruộng nhưng hiện ông Ph đang sử dụng để cấy nên ông không yêu cầu chia đất ruộng. Trước khi mất hai cụ ở riêng, không sống cùng con nào khác, hai cụ vẫn đi lại bình thường, đến khi các cụ chết các con thay nhau về chăm bố mẹ.

Khoảng năm 1992 bố mẹ ông có tách đất cho các con như sau: Hai cụ ở giữa, ông Ph và ông L2 mỗi người một thửa đất ở hai bên (mọi người đã được cấp GCNQSDĐ); do đó các cụ ở tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01, diện tích 339m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Thời điểm đó mọi người đều biết việc chia tách đất của bố mẹ nhưng không có ý kiến gì, ông Đ và ông Đ1 cũng đều có đất ở riêng nên cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Khoảng năm 2002-2003 ông L2 có bán phần đất của mình được bố mẹ cho ông Ph, hiện ông Ph đã được cấp GCNQSDĐ

Khoảng năm 2020 ông và ông Ph có thoả thuận: Ông cho ông Ph sử dụng 32 m2 đất tại thửa đất của bố mẹ với điều kiện ông Ph ký tên cho ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên năm 2020 ông Ph đã xây nhà lên thửa đất đó cho con trai bằng tiền của con trai ông Ph là anh Tô Tiến T (hiện đang ở Nhật Bản). Hiện phần đất đó ông Ph đã làm sân của ngôi nhà trên.

Đơn xác nhận chuyển nhượng đất đề ngày 06/9/2020 do ông Ph cung cấp có xác nhận của ông Nguyễn Thế S- Phó bí thư thôn; mặc dù ông không trực tiếp ký đơn xác nhận chuyển nhượng đất nhưng thực chất giữa ông và ông Ph của đơn xác nhận chuyển nhượng đất đề ngày 06/9/2020.

Do vậy, ông chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của các cụ đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01, diện tích 339m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đối với diện tích đất của bố mẹ hiện ông Ph đang trực tiếp quản lý, sử dụng, đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần đất đó cho ông Ph; nếu giá trị phần ông Ph đang quản lý có lớn hơn giá trị phần di sản ông Ph được nhận thì tự nguyện cho ông Ph và không yêu cầu ông Ph phải trả trị giá chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Phần đất còn lại, đề nghị HĐXX giao cho những đồng thừa kế còn lại, ông đồng ý với quan điểm của những người thừa kế khác là cho phần di sản của mọi người được nhận cho ông.

Bị đơn ông Tô Văn Ph trình bày: Bố mẹ ông là cụ Tô Văn K (chết năm 2003) và cụ Lục Thị B(chết năm 2017); hai cụ sinh được 08 người con là Tô Thành Đ ; Tô Văn L2 (chết năm 2021 có hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H); Tô Văn Đ1, Tô Văn Ph , Tô Thị L ; Tô Thị L1; Tô Văn M; ngoài ra hai cụ không có người con nuôi hay con riêng nào khác.

Sinh thời bố mẹ ông có một thửa đất, sau đó các cụ chia cho ông và ông L2 mỗi người 01 thửa đất, hai cụ ở giữa, các bên đều đã được cấp GCN QSD đất. Do vậy, di sản của hai cụ để lại chỉ còn 339 m2 đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01 thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trên đất của các cụ trước đây có 01 nhà cấp 4 và 01 nhà vệ sinh đã cũ nát; sau khi mẹ ông chết khoảng 100 ngày thì ông M, ông Th, ông Đ, ông Đ1, bà H, bà L đến đập phá nhà, mang đồ đạc của các cụ đi nên hiện chỉ còn khung nhà ở và khung nhà vệ sinh. Trước khi bố mẹ chết, hai cụ sống cùng nhau, đến khi cụ ốm, anh em trong gia đình thay nhau về chăm nom cụ.

Năm 2000 vợ chồng ông mua lại đất của ông L2; đến năm 2020 vợ chồng ông xây nhà trên mảnh đất đã mua của ông L2 cho con trai là Tô Tiến T (hiện đang sinh sống tại Nhật Bản không có địa chỉ cụ thể) bằng nguồn tiền của anh T gửi về, ông không cung cấp được căn cứ chứng minh anh T gửi tiền về để vợ

chồng ông làm nhà, tuy nhiên GCNQSD đất vẫn đứng tên vợ chồng ông. Thời điểm gia đình ông xây nhà, ông M nhất trí cho ông 32 m2 đất của các cụ cho anh T nên mới lập đơn xác nhận chuyển nhượng đất của ông Tô Văn M để ông ký giấy tờ chuyển tên QSD đất của các cụ sang ông M. Sau đó khoảng 1 năm do không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông M mới khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Kim Thành vì vậy đến nay ông không nhất trí kí giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M nữa.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông M, ông không nhất trí, đề nghị Tòa án giữ nguyên phần đất của các cụ để làm nhà thờ hơn nữa các anh em trong gia đình đều có nhà đất rất rộng, gia đình ông diện tích đất nhỏ nhất nên ông không muốn chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Thành Đ , ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị H , bà Tô Thị L , bà Tô Thị L1, bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị Kh, chị Tô Thị H1 trình bày: Về lý lịch và hoàn cảnh gia đình, nguồn gốc thửa đất là di sản thừa kế như ông M, ông Ph trình bày là đúng.

Trong thời kì hôn nhân, bố mẹ ông bà là chủ sử dụng của thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01, diện tích 339m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trên đất trước đây có gian nhà cấp 4 đã cũ nát, sau khi cụ bà mất mấy anh chị em trong nhà gồm ông Đ, ông Đ1, ông L2, bà H, bà L, ông M đã cùng nhau phá nhà cấp 4 đi để dọn dẹp rồi cho con ông M về làm nhà nhưng ông Ph không nhất trí nên không cho về làm nhà.

Ngoài ra các cụ còn có đất ruộng nhưng hiện ông Ph đang sử dụng để cấy nên các ông bà không yêu cầu chia đất ruộng. Ngoài ra hai cụ không còn di sản thừa kế nào khác.

Ông M là con út của ông bà nên sống cùng với ông bà từ nhỏ, năm 1995 ông M lập gia đình, năm 1996 ông M lấy vợ và về ở cùng bố mẹ vợ vì ông bà không có con trai, cụ K và cụ B có nói là sẽ cho ông M diện tích đất hiện các cụ ở vì các anh chị đều đã có chỗ ở ổn định.

Trước khi mất hai cụ ở một mình, không ở với con nào, cụ vẫn đi lại bình thường, đến khi cụ ốm thì các con thay nhau về chăm cụ, các con không ai có công sức gì đối với di sản các cụ để lại.

Nay các ông bà đề nghị: Chia di sản thừa kế của các cụ theo quy định của pháp luật: Cụ thể: Chia diện tích 339 m2 đất tại thửa 196, tờ bản đồ số 01 tại thôn T, xã B, huyện K, thành 08 kỉ phần chia đều cho mỗi anh em, ông bà xin nhận giá trị bằng quyền sử dụng đất và sẽ tặng cho lại phần di sản mình được nhận cho ông Tô Văn M mà không yêu cầu ông M phải trả lại giá trị vật chất gì.

Bà Tô Thị L , bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị H , ông Tô Văn Đ1, chị Tô Thị

Kh ủy quyền cho ông Tô Thành Đ , sinh năm: 1955; trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương thay ông bà tham gia tố tụng tại Tòa án, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, mọi ý kiến của ông Đ là quan điểm của ông bà và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Tô Thành Đ đồng ý nhận ủy quyền của bà Tô Thị L , bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị H , ông Tô Văn Đ1, chị Tô Thị Kh.

Bà Nguyễn Thị X xác định bà là vợ của ông Tô Văn L2. Ông bà có 02 con chung là chị Tô Thị Kh và chị Tô Thị H1; ngoài ra không có người con nuôi hay con riêng nào khác; quan điểm về việc giải quyết vụ án, mẹ con bà đã trình bày ở trên. Khoảng năm 2000 vợ chồng bà có bán cho vợ chồng ông Tô Văn Ph diện tích 98m2 đất của bố mẹ cho, ông Ph đã được cấp GCNQSD đất, diện tích đất ông Ph đang ở cũng là do bố mẹ tách cho; đến năm 2020 ông Ph xây nhà trên diện tích đất đã mua của vợ chồng bà. Trước đây vợ chồng bà có mượn 01 phần đất của các cụ để làm lán tôn sau nhà với diện tích 8,3m2 (bà không nhớ thời gian cụ thể); sau này phần đất trên được giao cho ai bà tự nguyện tháo dỡ lán tôn và không yêu cầu người đó phải trả giá trị tài sản cho bà.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện như tại đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bố mẹ đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01, diện tích 339m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đối với diện tích đất của các cụ hiện ông Ph đang trực tiếp quản lý, sử dụng, đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần đất đó cho ông Ph; nếu giá trị phần ông Ph đang quản lý có lớn hơn giá trị phần di sản ông Ph được nhận thì tự nguyện cho ông Ph và không yêu cầu ông Ph phải trả trị giá chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 5, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn M về chia di sản thừa kế của cụ Tô Văn K, cụ Lục Thị B đối với quyền sử dụng 339 m2 đất tại thửa đất số 196

tờ bản đồ số 01, diện tích 339 m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất.

Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu giải quyết về cây trồng trên diện tích đất tranh chấp và chấp nhận sự tự nguyện của ông Tô Thành Đ ; bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị Kh, chị Tô Thị H1, bà Tô Thị H ; ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1 cho ông Tô Văn M phần di sản của mình được nhận và sự tự nguyện của bà X về việc tự tháo dỡ lán tôn 8,3m2 do bà xây dựng và không yêu cầu ông M phải trả giá trị bằng tiền. Chấp nhận sự nguyện của ông M, ông Đ; bà X, chị Kh, chị H1, bà H; ông Đ1, bà L; bà L1 không yêu cầu ông Tô Văn Ph trả trả giá trị tài sản chênh lệch khi nhận di sản vượt mức giá trị di sản mình được nhận.

Giao cho ông Tô Văn M được quyền quản lý và sử dụng diện tích 259,4m2 m2 đất tại thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01 và các tài sản trên đất.

Giao cho ông Tô Văn Ph được quyền quản lý và sử dụng diện tích 79,6m2 đất tại thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01 và các tài sản trên đất.

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Tô Văn M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tô Văn K và cụ Lục Thị B để lại nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp chia di sản thừa kế*"

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*...Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Cụ Tô Văn K chết ngày 30/11/2003 và cụ Lục Thị B chết ngày 02/01/2017. Ngày 19/11/2021 ông Tô Văn M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của bố mẹ để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Do có đương sự trong vụ án hiện đang cư trú tại nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà:

Bị đơn Ông Tô Văn Ph , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị H2 anh Tô Tiến T được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên toà, do đó Toà án xét xủ vắng mặt ông Ph, bà H2, anh T.

Bà Tô Thị L , bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị H , ông Tô Văn Đ1, chị Tô Thị Kh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, thu thập xác minh tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Cụ Tô Văn K (chết năm 2003) và cụ Lục Thị B(chết năm 2017); hai cụ sinh được 08 người con là Tô Thành Đ ; Tô Văn L2 chết năm 2021 có hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H ; Tô Văn Đ1, Tô Văn Ph , Tô Thị L ; Tô Thị L1; Tô Văn M; ngoài ra hai cụ không có người con nuôi hay con riêng nào khác, cha mẹ ruột của hai cụ đã chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ B, gồm: Ông Tô Thành Đ ; ông Tô Văn Đ1, ông Tô Văn Ph , bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1; ông Tô Văn M. Do ông Tô Văn L2 chết năm 2021; vợ là bà Nguyễn Thị X và có hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H , nên xác định bà X, chị Kh, chị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Những người trên không thuộc trường hợp bị truất quyền thừa kế, do vậy đều được thừa kế phần di sản của cụ K và cụ B.

[3] Về nguồn gốc di sản: Căn cứ vào các tài liệu do UBND xã Bình Dân cung cấp: Nguồn gốc thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01, diện tích 339 m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương là đất cha ông để lại cho hai cụ. Ngày 30/01/2007 được UBND huyện Kim Thành cấp GCNQSD đất đối với diện tích 339 m2 đất trên mang tên chủ sử dụng bà Lục Thị B, trong đó có 243 m2 đất ở nông thôn và 96 m2 đất trồng cây lâu năm khác.

[4] Theo kết quả thẩm định ngày 15/8/2022:

Diện tích đất cụ B: Tổng diện tích đo thực tế là 259,4 m2; nhà cấp 4 xây gạch đất nung, xây dựng năm 1987, đã bị mất mái diện tích 47,5 m2; 01 phần bếp xây gạch đất nung, xây dựng năm 1987, đã bị mất mái diện tích 12,3 m2; 01 chuồng lợn xây gạch đất nung và ba banh, xây dựng năm 1987, đã bị mất mái diện tích 10,1 m2; 01 nhà vệ sinh giáp chuồng lợn, xây gạch đất nung, xây dựng năm 1987, diện tích 1,9 m2; 01 sân trạt bê tông trước cửa nhà cấp 4 ra cổng diện tích 64,2 m2; 02 trụ cổng có kích thước 0,4x0,4 cao 2m; 01 đoạn tường xây gạch chỉ đỏ chiều dài 6,0m, tường 10; cao 1,1m; 02 cánh cổng làm bằng tuýp sắt có chiều rộng 2m x 2,2m; 01 lán tôn diện tích 8,3 m2; 01 cây na, 01 cây vải, 01 cây bưởi; 02 cây nhãn; một số cây chuối.

* Phần đất hiện trạng ông Ph đang sử dụng:

- Thửa đất ông Ph mua của ông L2: Phần diện tích đất ông Ph đang sử dụng gồm 02 phần là S2 +S3 là 115,2 m2 + 33,9m2 = 149,1 m2; 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích 83 m2; 01 sân diện tích 33,9 m2; 01 đoạn tường giáp nhà cụ B có chiều dài 5,43m (tường xây gạch chỉ cao 1m trên nan hoa inox cao 0.6m; 01 đoạn tường giáp đường trục thôn phía giáp cổng có chiều dài 3,28m, cao 1m, nan hoa inox phía trên cao 0,6m; 01 đoạn tường về phía Đông Nam của thửa đất có chiều dài 4,1m + 1,22m + 9,43m; cao 1,5m, có nan hoa inox 60cm; 02 trụ cổng kích thước 0,5 x 0,5 x 2,2m; 02 cổng inox có chiều rộng 2,7m; cao 2,2m;sSân lát gạch xecamic giả đá diện tích 33,9m2.

[5] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định: Nguồn gốc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 01; diện tích 339 m2 tại thôn T, xã B, huyện K là của cụ Tô Văn K và cụ Lục Thị B, thửa đất đã được UBND huyện Kim Thành cấp GCNQSD đất cho cụ Lục Thị B theo số GCNQSD AG 390502 ngày 30/01/2007 mang tên cụ Lục Thị B. Các đương sự cũng xác định các cụ không sống cùng các con và các con cũng không có công sức đối với thửa đất của các cụ.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ, diện tích đất của cụ K, cụ B còn lại là 259,4 m2 đất. Ông M và các đồng thừa kế khác xác định sở dĩ diện tích đất của các cụ còn như trên là do quá trình sử dụng đất, ông Ph có hai thửa đất bên đất bên cạnh thửa đất của các cụ nên ông Ph xây sang 1 phần đất của bố mẹ; hơn nữa thực tế năm 2020 các anh em trong gia đình thỏa thuận cho cháu Tô Tiến T là con trai ông Ph diện tích 32m2 đất để làm sân thì ông Ph kí giấy sang tên đất cho ông M nên diện tích đất của các cụ còn như thế. Bị đơn ông Tô Văn Ph xác định vợ chồng ông được bố mẹ cho đất, ông bà xây nhà và xây tường bao từ năm 1998, diện tích có sang bên đất nhà hai cụ không thì ông không rõ vì quá trình sinh sống từ trước đến nay đều như vậy. Năm 2020 ông và ông M có thỏa thuận ông M cho cháu T (con trai ông) một diện tích đất của các cụ thì ông sẽ kí tên làm thủ tục sang tên cho ông M nên ông mới xây nhà cho con trai trên 1 phần diện tích đất của bố mẹ.

Qua xác minh tại UBND xã Bình Dân cho thấy: Tại GCN QSD đất số AG 390502 do UBND huyện Kim Thành cấp cho cụ Lục Thị B diện tích 339 m2 đất. Thực tế, diện tích đất của cụ B còn 259,4m2. Sở dĩ có số liệu như trên là do diện tích đất hiện ông Ph đang quản lý sử dụng (phần đất mua của ông L2) là 115,2 m2 tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ph được cấp 98 m2 là 17,12 m2; ông Ph xây dựng phần sân trên đất của hai cụ là 33,9 m2 và diện tích 25,8 m2 đất nằm trên phần đất ông Ph bà X được các cụ tách cho. Như vậy, diện tích đất thực tế ông Ph đang quản lý, sử dụng của các cụ là 28,58 m2 + 17,12 m2 + 33,9 m2 = 79,6 m2.

Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất của các cụ là 259,4 m2 + 33,9m2 + 17,02m2 + 28,58 m2 (cạnh phía tây phần đất của các cụ) = 339 m2.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định phần di sản của cụ Lục Thị B và cụ Tô Văn K để lại là 339m2 đất; các đương sự đều không xác định được cụ thể vị trí của diện tích đất ở và diện tích đất vườn nên căn cứ vào số liệu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định 339m2 bao gồm 243 m2 đất ở và 96 m2 đất trồng cây lâu năm.

Các đương sự đều xác định: Các tài sản trên phần đất của cụ K và cụ B là các tài sản của cụ K, cụ B, ông Ph xác định ông chỉ trồng 01 cây bưởi nhỏ trên đất của các cụ nhưng cũng không yêu cầu giải quyết về cây cối; các tài sản trên phần diện tích ông Ph hiện đang quản lý, sử dụng là tài sản của ông Ph; trên diện tích của cụ K, cụ B có 01 lán tôn diện tích 8,3m2 là của bà Nguyễn Thị X, bà X xác định mượn phần diện tích đất trên để làm lán tôn, sau này diện tích đất trên được chia cho ai thì bà sẽ tự tháo dỡ lán tôn và trả lại diện tích đất đó.

Do đó, xác định di sản thừa kế cụ K và cụ B để lại bao gồm: 339 m2 đất; 01 sân trạt bê tông diện tích 64,2 m2; 02 trụ cổng gạch chỉ xây năm 1996; 02 cánh cổng tuýp sắt; 01 đoạn tường rào gạch chỉ; 02 cây nhãn; 01 cây na, 01 cây bưởi; 01 cây vải; các đương sự không yêu cầu định giá về cây cối, nếu cây cối nằm trên diện tích đất giao cho ai thì người đó được hưởng. Theo kết luận định giá, giá đất ở là 6.000.000đ/m2, giá đất trồng cây lâu năm là 5.000.000đ/m2; do đó, giá trị quyền sử dụng đất là 6.000.000đ x 243m2 + 5.000.000đx 96 m2 = 1.458.000.000đ + 480.000.000đ = 1.93.800.000đ. 01 sân trạt bê tông diện tích 64,2 m2 giá 2.896.000đ; 02 trụ cổng gạch chỉ xây năm 1996 giá 339.000đ; 02 cánh cổng tuýp sắt giá 100.000đ; 01 đoạn tường rào gạch chỉ giá 1.198.000đ. Tổng giá trị tài sản các cụ để lại là 1.942.533.000đ. Các đương sự đều xác định trước khi chết hai cụ ở cùng nhau, không sống cùng con nào, khi cụ ốm, các con thay phiên nhau chăm bố mẹ, sau khi các cụ chết thì khóa cổng, tuy nhiên ông Ph có 02 thửa đất cạnh đất các cụ nên HĐXX xem xét đến công sức duy trì, tôn tạo di sản của ông Tô Văn Ph và bà Đồng Thị H2 từ khi cụ B chết (năm 2017) đến nay với số tiền 50.000.000đ bằng 10m2 đất trồng cây lâu năm. Sau khi trừ đi tiền công sức duy trì, tôn tạo di sản, mỗi kỉ phần được hưởng phần giá trị là 236.566.000đ.

Cụ K, cụ B chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của cụ K và cụ B không thống nhất chia di sản thừa kế, ông M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị chia di sản thừa kế của các cụ để lại, đề nghị được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; ông Ph không nhất trí chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án giữ nguyên phần đất của các cụ để làm nhà thờ. Quá trình giải quyết vụ án ông Ph cung cấp đơn xác nhận chuyển nhượng đất đề ngày 9/6/2020 với nội dung ông Tô Văn M đồng ý cho cháu ruột là Tô Tiến T một phần đất của bố mẹ

để lại cho tính từ mép nhà cháu T kéo thẳng ra đường đi với diện tích 32m2 với điều kiện anh Tô Văn Ph kí tên và cho mượn giấy tờ cần thiết để ông sang tên sổ đỏ; văn bản trên có chữ ký của ông Tô Văn M và ông Tô Văn Ph . Ông M xác định không trực tiếp kí tên vào văn bản trên nhưng ông hoàn toàn nhất trí với nội dung văn bản trên vì các anh em trong gia đình đều thống nhất cho anh T 01 diện tích đất của các cụ để anh T làm nhà nhưng với điều kiện ông Ph hợp tác kí giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông. Như vậy, có thể thấy trước khi nộp đơn khởi kiện đến TAND huyện Kim Thành, các bên đương sự đã thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cụ K và cụ B.

Xét thấy, thửa đất trên có đủ diện tích để chia đều cho các hàng thừa kế, hơn nữa thực tế ông Ph đang quản lý, sử dụng 1 phần diện tích đất của cụ K và cụ B; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Thành Đ ; bà Nguyễn Thị X và hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H ; ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1 đều có nguyện vọng được nhận di sản là quyền sử dụng đất mà mình được hưởng và tự nguyện cho phần di sản mình được hưởng cho ông Tô Văn M nên xét thấy việc chia quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ K và cụ B cho các đương sự trên là phù hợp; các đương sự tự nguyện cho nhau phần di sản được hưởng hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện trên của các đương sự. Cụ K, cụ B có 08 người con, ngoài ra hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác nên phần di sản của hai cụ sau khi trừ 10m2 công sức tôn tạo di sản của ông Ph chia đều cho 08 người con thì mỗi kỉ phần thừa kế sẽ được phần diện tích là 41,125 m2 đất. Các ông bà: Ông Tô Thành Đ ; bà Nguyễn Thị X và hai con là Tô Thị Kh và Tô Thị H ; ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1 tự nguyện cho ông Tô Văn M phần di sản của mình được nhận nên phần diện tích đất của ông Tô Văn M sẽ là 41,125 m2 x 7 kỉ phần = 287,87 m2 đất.

Hiện trạng phần đất của cụ B còn 259,4 m2 đất; phần diện tích đất ông Ph đang quản lý, sử dụng của các cụ là 79,6m2 vượt quá kỉ phần thừa kế ông Ph được hưởng. Ông M và các đồng thừa kế khác tự nguyện nhận phần đất hiện trạng của cụ B là 259,4m2 và giao cho ông Ph toàn bộ diện tích 79,6 m2 đất hiện ông Ph đang quản lý, sử dụng, không yêu cầu ông Ph phải trả giá trị chênh lệch. Xét thấy sự tự nguyện trên của ông M, ông Đ; bà X, chị Kh, chị H; ông Đ1, bà L; bà L1 không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện trên của của ông M, ông Đ; bà X, chị Kh, chị H; ông Đ1, bà L; bà L1.

Do các đương sự không xác định được vị trí của đất ở, đất trồng cây lâu năm nên HĐXX xác định diện tích 259,4m2 đất giao cho ông M bao gồm 186 m2

đất ở và 73, 4 m2 đất trồng cây lâu năm; diện tích 79,6 m2 đất giao cho ông Ph gồm 57m2 đất ở và 22,6m2 đất trồng cây lâu năm.

[6] Đối với phần đất 259,4 m2 giao cho ông M bao gồm 186 m2 đất ở x 6.000.000đ/m2 = 1.116.000.000đ và 73, 4 m2 đất trồng cây lâu năm x 5.000.000đ/m2= 367.000.000đ; trên đất có các tài sản: 01 sân trạt bê tông diện tích 64,2 m2 giá 2.896.000đ; 02 trụ cổng gạch chỉ xây năm 1996 giá 339.000đ; 02 cánh cổng tuýp sắt giá 100.000đ; 01 đoạn tường rào gạch chỉ giá 1.198.000đ; tổng giá trị di sản ông M được nhận là 1.487.533.000đ. Ngoài ra, trên đất còn có 02 cây nhãn, 01 cây bưởi; 01 cây na; 01 cây vải; 01 lán tôn diện tích 8,3 m2 bà Xoa tự nguyện tháo dỡ.

Đối với phần diện tích 79,6 m2 đất giao cho ông Ph bao gồm: 57m2 đất ở giá 342.000.000đ và 22,6m2 giá 113.000.000đ đất trồng cây lâu năm; tổng giá trị di sản ông Ph được nhận là 455.000.000đ. Cụ thể diện tích 79,6 m2 giao cho ông Ph như sau:

Diện tích 28,58 m2 đất (ký hiệu S1) có các cạnh A6B10 dài 3,11+16,41m giáp phần đất của ông Ph được cụ K, cụ B cho năm 1998; cạnh B10A4 dài 3,21m giáp đất ông C; cạnh A4-A6 giáp phần đất giao cho ông Tô Văn M có chiều dài 7,21+8,96+3,01m

Diện tích 51,02 m2 (bao gồm S3= 33,9m2 và S2= 28,6m2) ông Ph đã xây dựng khuôn viên để xây nhà trên diện tích 98m2 ông Ph mua của ông Tô Văn L2(có sơ đồ kèm theo). Các đương sự đều xác định ngôi nhà xây dựng trên diện tích 98m2 ông Ph mua của ông L2 là của anh Tô Tiến T, ông Ph xác định xây nhà cho anh T bằng nguồn tiền anh T gửi về nhưng ông không cung cấp căn cứ chứng minh, không cung cấp địa chỉ của anh T, tuy nhiên GCNQSD đất vẫn đứng tên ông Tô Văn Ph và bà Đồng Thị H2 nên HĐXX giao diện tích 51,02 m2 đất trên; các tài sản trên đất là 01 sân lát granic giả đá diện tích 33,9 m2; 01 đoạn tường giáp nhà cụ B có chiều dài 5,43m (tường xây gạch chỉ cao 1m trên nan hoa inox cao 0.6m; 01 đoạn tường giáp đường trục thôn phía giáp cổng có chiều dài 3,28m, cao 1m, nan hoa inox phía trên cao 0,6m; 01 đoạn tường về phía Đông Nam của thửa đất có chiều dài 4,1m + 1,22m + 9,43m; cao 1,5m, có nan hoa inox 60cm; 02 trụ cổng kích thước 0,5 x 0,5 x 2,2m; 02 cổng inox có chiều rộng 2,7m; cao 2,2m cho ông Tô Văn Ph và bà Đồng Thị H2 tiếp tục quản lý và sử dụng, sau này anh Tô Tiến T về nước, nếu có tranh chấp đối với những tài sản trên thì có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Đối với yêu cầu của ông Tô Văn Ph về việc yêu cầu ông Tô Văn M, ông Đ, ông Đ1, bà L1, bà L mang toàn bộ tài sản của bố mẹ ông về nhưng ông

không làm đơn yêu cầu phản tố mặc dù đã được Tòa án giải thích nhiều lần nên HĐXX không xem xét đối với yêu cầu trên của ông.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Ông Tô Thành Đ , bà Tô Thị H , bà Nguyễn Thị X thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[9] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, ông đã nộp xong, nên chấp nhận sự tự nguyện của ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn M về chia di sản thừa kế của cụ Tô Văn K, cụ Lục Thị B.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Tô Văn K là ngày 30/11/2003; cụ Lục Thị B là ngày 02/01/2017.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tô Văn K và cụ Lục Thị B gồm: Ông Tô Thành Đ ; ông Tô Văn Đ1, ông Tô Văn Ph , bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1; ông Tô Văn M.

Ông Tô Văn L2 chết năm 2021 nên xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tô Văn L2 là bà Nguyễn Thị X; chị Tô Thị Kh và chị Tô Thị H1

4. Xác định quyền sử dụng 339 m2 đất tại thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01, diện tích 339 m2 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương và các tài sản 01 sân trạt bê tông diện tích 64,2 m2; 02 trụ cổng gạch chỉ xây năm 1996; 02 cánh cổng tuýp sắt ; 01 đoạn tường rào gạch chỉ là di sản thừa kế của cụ Tô Văn K và cụ Lục Thị B.

5. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu giải quyết về cây trồng trên diện tích đất tranh chấp.

6. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Tô Thành Đ ; bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị Kh, chị Tô Thị H ; ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1 tự nguyện cho ông Tô Văn M phần di sản của mình được nhận.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị X về việc tự tháo dỡ lán tôn 8,3m2 do bà xây dựng và không yêu cầu ông Tô Văn M phải trả giá trị bằng tiền.

8. Chấp nhận sự nguyện của ông Tô Văn M, ông Tô Thành Đ ; bà Nguyễn Thị X, chị Tô Thị Kh, chị Tô Thị H ; ông Tô Văn Đ1, bà Tô Thị L ; bà Tô Thị L1 không yêu cầu ông Tô Văn Ph trả trả giá trị tài sản chênh lệch đối với phần di sản ông Ph được nhận.

9. Trích trả ông Tô Văn Ph và bà Đồng Thị H2 tiền công sức duy trì, tôn tạo di sản số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) bằng 10m2 đất trồng cây lâu năm.

10. Chia theo quy định pháp luật, mỗi kỉ phần thừa kế được nhận là 41,125 m2 đất. Trị giá mỗi kỉ phần thừa kế được nhận là 236.566.000đ

11. Giao cho ông Tô Văn M được quyền quản lý và sử dụng diện tích 259,4m2 m2 đất tại thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất gồm 01 sân trạt bê tông diện tích 64,2 m2 giá 2.896.000đ; 02 trụ cổng gạch chỉ xây năm 1996 giá 339.000đ; 02 cánh cổng tuýp sắt giá 100.000đ; 01 đoạn tường rào gạch chỉ giá 1.198.000đ; 02 cây nhãn, 01 cây bưởi; 01 cây na; 01 cây vải; 01 lán tôn diện tích 8,3 m2 của bà Nguyễn Thị X. Tổng giá trị di sản ông M được nhận là 1.487.533.000đ

12. Giao cho ông Tô Văn Ph được quyền quản lý và sử dụng diện tích 79,6m2 đất (được ký hiệu là S2, S3, S4) tại thửa đất số 196 tờ bản đồ số 01 tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương và các tài sản trên đất là 01 sân lát granic giả đá diện tích 33,9 m2; 01 đoạn tường giáp nhà cụ B có chiều dài 5,43m (tường xây gạch chỉ cao 1m trên nan hoa inox cao 0.6m; 01 đoạn tường giáp đường trục thôn phía giáp cổng có chiều dài 3,28m, cao 1m, nan hoa inox phía trên cao 0,6m; 01 đoạn tường về phía Đông Nam của thửa đất có chiều dài 4,1m + 1,22m + 9,43m; cao 1,5m, có nan hoa inox 60cm; 02 trụ cổng kích thước 0,5 x 0,5 x 2,2m; 02 cổng inox có chiều rộng 2,7m; cao 2,2m. Tổng giá trị di sản ông Ph được nhận là 455.000.000đ.

Việc chia đất có sơ đồ kèm theo.

13. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của ông M chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác nhận bà đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

14. Về án phí: Ông Tô Văn M, ông Tô Văn Đ1, ông Tô Văn Ph , bà Tô Thị H , bà Tô Thị L , bà Tô Thị L1 mỗi người phải chịu 11.828.300đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 10.000.000đ ông Tô Văn M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2020/002555 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; ông Tô Văn M còn phải nộp 1.828.300đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Tô Thị Kh và chị Tô Thị H1 mỗi người phải chịu 3.761.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tô Thành Đ , bà Tô Thị H , bà Nguyễn Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

15. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, t
Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Bích